

Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam

Những bất cập về chính sách và giải pháp thúc đẩy

Đỗ Đức Bình*

Qua hơn 25 năm thực hiện Luật đầu tư nước ngoài (nay là luật đầu tư chung), nền kinh tế nước ta có những thay đổi đột biến về nhiều mặt, đặc biệt là kết cấu hạ tầng và số lượng và chất lượng hàng hoá xuất khẩu,... Diện mạo của đất nước khang trang hơn, đời sống của dân cư được cải thiện nhiều hơn so với trước thời kỳ đổi mới. Tuy nhiên, trong những năm qua, do tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, do những bất cập về chính sách thu hút FDI cũng như yếu kém trong quản lý nhà nước về đầu tư nói chung đã dẫn đến nhiều hậu quả tiêu cực và bức xúc trong dân cư. Bài viết này không đi vào đánh giá thành công mà chỉ tập trung làm rõ những bất cập, yếu kém chủ yếu trong thu hút FDI của Việt Nam và gợi mở một số hướng và giải pháp để hoàn thiện nhằm thu hút FDI có hiệu quả.

Từ khóa: Đầu tư trực tiếp nước ngoài, Việt Nam.

1. Những bất cập chủ yếu trong FDI tại Việt Nam thời gian qua

1.1. Khái quát tình hình thu hút vốn FDI tại Việt Nam

Tính đến ngày 15 tháng 12/2012 đã có 14.489 dự án đang hoạt động với tổng số vốn đầu tư đăng ký là 213,651 tỷ USD và vốn thực hiện là 72,56 tỷ USD.

Từ sau khi Việt Nam chính thức là thành viên WTO, năm 2007 và năm 2008 vốn FDI vào Việt Nam tăng lên mạnh mẽ so với các năm trước. Năm 2007, vốn đăng ký là 20,3 tỷ USD. Năm 2008, vốn đăng ký là 64,011 tỷ USD và vốn thực hiện là 11,5 tỷ USD. Đây là mức thực hiện kỷ lục từ trước đến nay, song so với mức vốn đăng ký thì khoảng cách này còn lớn. Từ năm 2009 đến 2012, vốn đăng ký bị suy giảm mạnh. Đến năm 2009, vốn FDI đăng ký trên 21 tỷ USD, thực hiện gần 9 tỷ USD; Năm 2010, vốn đăng ký 17 tỷ USD, thực hiện 11 tỷ USD; Năm 2012, vốn đăng ký 13,01 tỷ USD và vốn thực hiện là 10,46 tỷ USD bằng 95,1% năm 2011; 6 tháng đầu năm 2013, vốn thực hiện trên 5,7 tỷ USD. Tuy

nhien, khoảng cách giữa vốn đăng ký và vốn thực hiện đã xích gần lại so với năm 2008

Sở dĩ có được thành tích thu hút vốn FDI như trên là do qua các thời kỳ, luật đầu tư nước ngoài được hoàn thiện dần và đã từng bước tạo dựng khung pháp lý ngày càng rõ ràng, thông thoáng và thuận lợi hơn cho các hoạt động đầu tư, kinh doanh; Xóa bỏ dần sự khác biệt giữa đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài để hình thành một khung luật pháp về đầu tư thống nhất và phù hợp với thông lệ quốc tế trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi, nên đã tạo tâm lý yên tâm cho các nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư vào Việt Nam.

Sự thành công trong thu hút vốn FDI vào Việt Nam thời gian qua còn phải kể đến sự chỉ đạo khá kịp thời, phù hợp của Chính phủ đối với chính sách tài chính, tiền tệ, kịp thời đối phó với những khó khăn của nền kinh tế khi bị tác động của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu. Bên cạnh đó, các địa phương trong nước cũng đã chủ động, tích cực có các chính sách, biện pháp thông thoáng về hành chính, ưu đãi về tài chính, tạo dựng cơ sở hạ tầng và môi trường đầu tư hấp dẫn hơn để

thu hút và quản lý dòng vốn FDI vào địa phương mình.

1.2. Những bất cập chủ yếu về chính sách trong thu hút FDI

Một là, Hệ thống luật pháp chưa minh bạch, thi hành luật còn lúng túng và chưa nghiêm

Trong thời gian qua, Chính phủ đã thường xuyên theo dõi tình hình thực tế, kịp thời kiến nghị để sửa đổi, bổ sung luật đầu tư nước ngoài (nay là luật đầu tư chung) cũng như các Nghị định. Tuy nhiên, các chính sách chưa thật đồng bộ, văn bản pháp quy ban hành chậm và chưa cụ thể và không có lộ trình trước về những thay đổi, do đó đã gây khó khăn trong quá trình dự toán, dự báo của nhà đầu tư, nên trong nhiều trường hợp đã làm đảo lộn phương án kinh doanh và gây thiệt hại cho họ.

Việc thi hành pháp luật, chính sách thiếu nhất quán, lúng túng và tùy tiện. Chính vì luật pháp chưa thực sự minh bạch, cho nên đã tạo ra vướng mắc, lúng túng trong thực thi và do đó làm giảm tính hấp dẫn trong các quy định thông thoáng của luật về điều kiện và thủ tục đầu tư. Chẳng hạn, do luật đầu tư và Nghị định số 108/2006/NĐ-CP chưa quy định rõ khái niệm nhà đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, nên việc xác định địa vị pháp lý cũng như điều kiện và thủ tục đầu tư, kinh doanh của các đối tượng này còn chưa có quan điểm thống nhất giữa các cơ quan cấp giấy chứng nhận đầu tư. Mặt khác, việc chuyển từ chế độ quản lý một doanh nghiệp đầu tư nước ngoài được thành lập trên cơ sở một dự án đầu tư sang chế độ quản lý một doanh nghiệp được tổ chức, hoạt động thống nhất trong khuôn khổ luật Doanh nghiệp và được đăng ký đầu tư, đồng thời với đăng ký kinh doanh nhiều ngành nghề khác nhau cũng làm cho việc xác định thủ tục đầu tư, kinh doanh đối với các doanh nghiệp này trở nên khó khăn và phức tạp hơn. Ngoài ra, do phân cấp quản lý nên một số văn bản hướng dẫn của các bộ, ngành, địa phương có xu hướng xiết lại, thêm nhiều quy trình dẫn đến tình trạng “trên thoáng, dưới chặt”, thậm chí chồng chéo, thiếu thống nhất gây khó khăn cho hoạt động của các doanh nghiệp. Nhiều quy định không thể hiện được tính minh bạch do có nhiều nội dung không đủ rõ ràng để điều khiển các hành vi kinh tế, cũng như trong một số trường hợp thiếu nhất quán, nhiều quy định ban hành sau còn có nội dung khác, thậm chí đối lập với quy định ban hành trước hoặc quy định

của ngành này chồng chéo với quy định của ngành khác làm cho doanh nghiệp không xác định được đâu là quy định phải tuân theo,...

Hai là, chính sách quy hoạch đầu tư theo địa phương cũng như từng ngành chưa hợp lý và còn nhiều bất cập

Thực tế đã chỉ ra rằng cơ cấu đầu tư nước ngoài ở từng địa phương được hình thành tùy thuộc vào mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội do chính quyền cấp Tỉnh, Thành phố đề ra, chưa quan tâm đầy đủ đến kinh tế của vùng, lãnh thổ. Do thiếu tính liên kết trong vùng, khu vực nên hiệu quả kinh tế, xã hội của các dự án không cao. Mặt trái của nhiều dự án đang nổi lên hết sức bức xúc như đất của dân bị thu hồi nhưng sử dụng kém, thậm chí dự án “treo”, ô nhiễm môi trường sinh thái khá nặng nề,...

FDI tập trung chủ yếu vào một số thành phố lớn hoặc các địa phương có điều kiện thuận lợi. Bên cạnh những điểm thành công, các vấn đề nổi cộm đang nổi lên gây hết sức bức xúc và bất ổn định trong xã hội đòi hỏi phải đối mặt giải quyết, đó là đất trồng trọt giảm mạnh, tình trạng mất đất, thiếu đất canh tác làm cho nhiều người không có việc làm, tệ nạn xã hội gia tăng, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường,... đang gây ra rất nhiều bức xúc trong xã hội.

Ba là, Chính sách thu hút và quản lý công nghệ cao chưa phát huy được hiệu quả. Điều này được thể hiện công nghệ của các doanh nghiệp FDI nhìn chung hiện đại hơn công nghệ cùng ngành của nước ta. Tuy nhiên, vẫn còn một số nà. đầu tư nước ngoài đã đưa vào Việt Nam máy móc, thiết bị lạc hậu đã qua sử dụng, tiêu hao nhiều năng lượng, gây ô nhiễm môi trường. Trên thực tế ở nước ta: 1) Mới chỉ kiểm tra, đánh giá được khoảng 1-2% các thiết bị, máy móc đưa vào lắp đặt tại Việt Nam để lắp đặt tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; 2) Rất ít có sự “khuyến tán” công nghệ từ những ngành tiếp nhận công nghệ sang các ngành khác của nền kinh tế; 3) Năng lực tiếp nhận công nghệ còn yếu do thiếu các chuyên gia kỹ thuật và đội ngũ công nhân lành nghề và 4) Việc lựa chọn công nghệ còn nhiều lúng túng, công nghiệp phụ trợ chưa phát triển, chưa có kế hoạch và quy hoạch tổng thể, đôi khi còn tùy tiện.

Bốn là, chính sách phát triển các khu kinh tế (KCN, KCX, khu kinh tế cửa khẩu,...) chưa đạt hiệu quả cao. Cụ thể là:

+ Cho đến nay, Việt Nam có 283 khu công nghiệp (trong đó có 183 khu hoạt động); 28 khu kinh tế cửa khẩu và 15 khu kinh tế ven biển, nhưng tiến độ đầu tư xây dựng hạ tầng của các khu kinh tế này còn chậm. Tỷ lệ lấp đầy trong các KCN không đồng đều. Trung bình diện tích lấp đầy chỉ đạt trên 46%; Sự thu hút FDI cũng như hoạt động của các khu kinh tế cửa khẩu và khu kinh tế ven biển cũng đang đối mặt với không ít khó khăn.

+ Sự phát triển và hoạt động của các khu kinh tế đã có những biểu hiện phá vỡ cân đối; “phong trào”, “hội chứng” thành lập các khu kinh tế, trong khi đó khả năng thu hút đầu tư hạn chế, không phát huy được hiệu quả của vốn đầu tư xây dựng hạ tầng. Việc phát triển các khu kinh tế ở từng địa phương không đúng quy hoạch một cách khoa học đã làm ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân và sự phát triển chung của cả nước.

+ Nhiều khu kinh tế đầu tư lớn cho cơ sở hạ tầng, số lượng đất bị thu hồi, đền bù lớn nhưng cho thuê không được bao nhiêu. Tình hình này làm cho các doanh nghiệp Việt Nam và các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào cơ sở hạ tầng đang gặp hết sức khó khăn, vì khó thu hồi vốn chứ không nói đến lãi. Đây là một vấn đề cấp bách đòi hỏi các cơ quan quản lý Nhà nước ở cả Trung ương và địa phương phải xem xét, giải quyết.

Năm là, về chính sách tài chính

+ Hệ thống chính sách thuế còn phức tạp, trong một số sắc thuế còn thu chồng chéo, trùng lặp chưa thực sự phù hợp với nền kinh tế thị trường đa dạng, đa thành phần và chưa hoà nhập với hệ thống thuế quốc tế. Mặc dù chính sách thuế được bổ sung, sửa đổi thường xuyên để đáp ứng yêu cầu thực tế nhưng lại gây ra sự thiếu tin tưởng và yên tâm đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài.

+ Chính phủ chưa có chính sách và biện pháp cụ thể trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong cân đối, chuyển đổi ngoại tệ phục vụ cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Quản lý của Ngân hàng Nhà nước về ngoại tệ chặt chẽ, thậm chí “cứng nhắc” và chưa có những hỗ trợ thích hợp cho doanh nghiệp về ngoại hối trong việc thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu một cách kịp thời và thuận lợi.

+ Trong điều kiện khó khăn như hiện nay, chính sách giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, giãn nộp thuế,... cũng chưa thực sự tỏ ra hấp dẫn và hiệu quả

đối với thu hút FDI.

Sáu là, chính sách cải thiện môi trường đầu tư chưa được thực thi đầy đủ và đúng. Điều này được thể hiện ở chỗ quá chú trọng thu hút FDI, chưa chú ý đến những vấn đề liên quan đến bảo vệ môi trường; quy định và thực hiện thủ tục trong khâu thẩm định cấp giấy phép đầu tư còn nhiều bất cập (một cửa nhưng nhiều “cổng”, nhiều “khoá”,...) Công tác hậu kiểm đối với các doanh nghiệp sau khi cấp phép chưa được quản lý đúng tầm quan trọng; Công tác tuyên truyền, vận động và xúc tiến đầu tư chưa được thực hiện đầy đủ và hiệu quả.

Chính sách thu hút FDI trong hơn 25 năm qua đã có những thay đổi mạnh mẽ trên 04 mặt chính. Một là, sự thay đổi về nhận thức, tư duy và quan điểm của Đảng và Nhà nước đối với khu vực FDI; Hai là, tăng tính cạnh tranh trong thu hút vốn FDI giữa các nước trong khu vực và thế giới; Ba là, thực thi các chính sách hội nhập KTQT và Bốn là, thực thi các chính sách FDI tác động đến môi trường kinh doanh và đầu tư tại Việt Nam.

Mặc dù có những thay đổi mạnh mẽ ở 04 mặt trên, nhưng trong những năm qua Việt Nam chủ yếu chỉ thu hút được vốn FDI và công nghệ của các nhà đầu tư nhỏ và ở khu vực Châu Á. Do đó, nhìn tổng thể chúng ta chưa thu hút được “công nghệ nguồn”, công nghệ tiên tiến, hiện đại của các TNC của các quốc gia có trình độ phát triển cao (Mỹ, EU, Nhật Bản). Kinh nghiệm quốc tế đã chỉ ra rằng nhiều quốc gia đã coi những tập đoàn xuyên quốc gia hàng đầu trên thế giới (top 500 TNC mẹ) là những đối tác chiến lược (có vốn lớn; công nghệ cao tiên tiến, hiện đại; đầu tư ổn định;...) trong thu hút FDI của mình và theo chúng tôi Việt Nam không phải ngoại lệ. Đã đến thời điểm Việt Nam phải chấm dứt ngay tình trạng “dài thăm dò”, đưa ra nhiều chính sách quá ưu đãi đối với thu hút FDI. Trái lại, việc thu hút FDI giai đoạn 2013-2020 phải kèm theo những điều kiện chặt chẽ và những mục tiêu rõ ràng, minh bạch, bình đẳng đối với tất cả các đối tác đầu tư.

Bảy là, chính sách đất đai còn nhiều bất cập cả về thủ tục hành chính và công tác giải phóng mặt bằng, quản lý đất đai.

Trong những năm qua, để tăng cường thu hút FDI vào Việt Nam, chúng ta đã tạo cho các doanh nghiệp có vốn FDI những phần đất tốt nhất ở nhiều lĩnh vực, nhưng kết quả đưa lại nhìn chung chưa thật tương xứng; Thủ tục hành chính trong việc xin cấp

đất, giấy phép xây dựng còn mất nhiều thời gian làm ảnh hưởng đến tiến độ xây dựng và sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; chính sách đền bù, giải phóng mặt bằng nhiều khi không nhất quán, không phù hợp với thực trạng đất, gây phiền hà cũng như thiệt thòi cho cả doanh nghiệp và người dân. Vấn nạn tham nhũng đang phát triển và gây ra nhiều bức xúc, khiếu kiện của người dân từ bất cập của chính sách đất đai ở nước ta.

Theo kết quả điều tra 140 doanh nghiệp FDI của nhóm nghiên cứu về "đầu tư trực tiếp nước ngoài sau khi Việt Nam gia nhập WTO" thuộc Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương thì tỷ lệ các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài phản nàn về quy trình giải quyết thủ tục đất đai, mặt bằng xây dựng nhà xưởng rất phức tạp và đều rất cao ở cả ba nhóm ngành điều tra là 41,7% trong ngành thay thế nhập khẩu, 67% trong ngành hướng về xuất khẩu và 50% thuộc nhóm ngành dịch vụ. Thời gian giải quyết thủ tục đất đai còn dài hơn so với thủ tục thuế. Tới 68,2% doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài trong ngành thay thế nhập khẩu và 53,7% trong ngành xuất khẩu phải chờ đợi trên 2 tháng. Hầu hết các doanh nghiệp đều kiến nghị cần phải đơn giản hoá thủ tục này và càng rút ngắn thời gian làm thủ tục đến mức tối thiểu càng tốt.

Tám là, chất lượng đào tạo và quản lý trong đào tạo lao động còn thấp

Trình độ quản lý, kiến thức và kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài của Việt Nam còn yếu. Nhìn chung, các cán bộ trực tiếp tham gia trong Hội đồng quản trị và Ban giám đốc các doanh nghiệp liên doanh, nói rộng ra là cả những cán bộ ở các cơ quan quản lý hoạt động FDI từ địa phương đến Trung ương chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu công tác do chưa được đào tạo một cách bài bản. Bên cạnh đó, còn có hiện tượng bố trí cán bộ một cách tùy tiện, nể nang không theo năng lực và buông lỏng quản lý, kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động của họ, do đó nhiều trường hợp cán bộ được cử vào giữ những chức vụ quan trọng trong ban điều hành doanh nghiệp, nhưng chưa qua đào tạo, thiếu kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp, không nắm vững luật pháp, không thông thạo ngoại ngữ,... Rốt cuộc là những cán bộ này hết sức lúng túng trước các nhà kinh doanh nước ngoài, thậm chí chỉ chú trọng đến thu nhập và lợi ích cá nhân và do đó không thực hiện được vai trò bảo vệ lợi ích cho quốc gia, doanh nghiệp và người lao động phía Việt

Nam (dẫn đến thiệt thòi cho phía Việt Nam trong quá trình hợp tác đầu tư).

Mặt khác, chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu nắm bắt công nghệ hiện đại, tiên tiến, thiếu tác phong công nghiệp. Tình trạng thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao đã qua đào tạo bài bản, đặc biệt là công nhân kỹ thuật, kỹ sư cho các dự án đầu tư nước ngoài ngày càng rõ khi các dự án lớn đi vào triển khai.

Nguyên nhân của những bất cập trên là do những vướng mắc về mặt pháp lý trong đầu tư chưa được tháo gỡ kịp thời, về cơ sở hạ tầng, về các chính sách ưu đãi chưa phù hợp, về nguồn nhân lực chưa tương thích với yêu cầu của triển khai các dự án đầu tư, về chính sách đất đai,... Ngoài ra, việc suy giảm vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam còn do các nhà đầu tư đang mất dần lòng tin vào các nhà lãnh đạo Việt Nam (cả ở cấp Trung ương và địa phương), sự kém tin tưởng của họ vào các lời hứa, cam kết của các cơ quan thực thi chính sách liên quan đến đầu tư nói riêng,... Điều này đã dẫn đến một trong những hiện trạng suy giảm trong đầu tư là nếu năm 2008, toàn bộ 63 tỉnh, thành phố đều có dự án FDI thì năm 2012 chỉ có 54 tỉnh, thành phố có dự án FDI với số vốn đăng ký là 13,013 tỷ USD.

2. Một số giải pháp thu hút FDI một cách có hiệu quả trong bối cảnh nền kinh tế dần phục hồi và phát triển

Mặc dù khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu đang tiếp diễn và xu hướng dự báo phục hồi rất chậm chạp. Điều đó đang tiếp tục tác động không nhỏ đến dòng vốn FDI, nhưng do Việt Nam có 04 nhóm yếu tố khá hấp dẫn với FDI. 1) Nhóm quy mô thị trường (GDP, dân số gần 90 triệu người); 2) Ổn định chính trị- xã hội; 3) Nguồn lực tiềm tàng (nhân lực, tài nguyên, chính sách đổi mới,...) và vị thế và vị trí địa lý thuận lợi] nên kỳ vọng sẽ tiếp tục là địa bàn khá hấp dẫn được các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm để tiếp tục lựa chọn đầu tư.

Để thu hút FDI vào Việt Nam một cách có hiệu quả theo hướng không chạy theo số lượng mà phải coi trọng chất lượng, hiệu quả phải chú ý tới cơ cấu nền kinh tế, chú ý đến cân đối vùng, miền, chú ý đến vấn đề môi trường,... Đã đến lúc chúng ta phải đề cao thực hiện phương châm: Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư quyết định khả năng thu hút vốn đầu tư, trong đó có vốn FDI, thu hút FDI có điều kiện.

Muốn thu hút FDI một cách tối ưu, theo tác giả các giải pháp phải hướng vào tháo gỡ “3 nút cổ chai” đó là thể chế, luật pháp; trình độ lao động và trình độ công nghệ. Bên cạnh đó, phải tạo dựng lại lòng tin cho các nhà đầu tư nước ngoài là yếu tố cũng hết sức quan trọng.

2.1. Hoàn thiện hệ thống luật pháp về đầu tư nước ngoài một cách đồng bộ, nhất quán và minh bạch

Hệ thống luật pháp về đầu tư nước ngoài cần được hoàn thiện đồng bộ và minh bạch và được thực thi nghiêm từ trung ương đến địa phương, tránh chồng chéo. Sớm khắc phục tình trạng mỗi ngành, mỗi địa phương đưa ra quy định khác nhau về một vấn đề cụ thể gây phiền hà, ách tắc cho các nhà đầu tư.

Giảm tình trạng luật, chính sách luôn thay đổi gây ra sự không an tâm cho các nhà đầu tư về môi trường pháp lý của Việt Nam;

Các văn bản hướng dẫn như nghị định, thông tư, ... về đầu tư nước ngoài cần được sớm hoàn thiện và ban hành một cách đồng bộ để tránh tình trạng mâu thuẫn, ách tắc trong quá trình vận hành. Đặc biệt là một số quy định trước đây có sự khác biệt giữa đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài, cần được sửa đổi, bổ sung một cách chi tiết để tránh chồng chéo, mâu thuẫn so với luật;

Các chính sách ban hành cần phải được áp dụng thống nhất trên toàn quốc. Thực hiện tốt việc kiểm tra, giám sát và xử lý kịp thời những sai phạm theo kiểu “phép vua thua lệ làng”.

Việc phân cấp quản lý cho UBND tỉnh và thành phố từ năm 2006 về vận động và thu hút FDI cần phải gắn liền với việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước TW để khắc phục triệt để tình trạng ban hành quy định không đúng thẩm quyền và dễ dãi trong lựa chọn nhà đầu tư.

2.2. Thực hiện chính sách tập trung phát triển hạ tầng một số vùng, địa phương có lợi thế so sánh để thu hút FDI lấy đà phát triển các vùng khác

Thực tế đã chỉ ra rằng Trung Quốc và Việt Nam có nhiều điểm tương đồng, họ rất thành công trong việc thực hiện chính sách lựa chọn và phát triển từng khu vực. Với Việt Nam, trong điều kiện nguồn vốn đầu tư còn hạn hẹp, nhưng từ trước đến nay ngân sách nhà nước hàng năm vẫn được phân phối theo hướng chia đều cho các vùng. Trong điều kiện đó vốn đầu tư bị dàn trải nên nhiều công trình, dự án

bị triển khai dở dang và vốn thường sử dụng kém hiệu quả. Đã đến lúc (dù đã chậm) Nhà nước cần xúc tiến có quy hoạch lựa chọn các địa phương có điều kiện thuận lợi về địa lý, tài nguyên thiên nhiên... để tập trung xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng như hệ thống giao thông, hệ thống cung cấp năng lượng, nước, thông tin, các công trình phúc lợi xã hội để cung cấp điều kiện hạ tầng chất lượng cao nhằm thu hút các nhà đầu tư nước ngoài với công nghệ tiên tiến, hiện đại. Đây là một số địa phương nằm gần Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh như Hưng Yên, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Long An, Đồng Nai; những tỉnh có cảng như Hải Phòng, Quảng Ninh, ... chỉ trên cơ sở thực hiện đúng định hướng này mới tạo đà cho việc thu hút FDI và phát triển các vùng lân cận, đó là những nơi còn có đất để xây dựng các khu công nghiệp.

Tuy nhiên, thực hiện tốt phương châm “hiệu quả sử dụng vốn quyết định khả năng thu hút vốn”, và quan điểm không thu hút FDI theo số lượng, theo phong trào mà là phải thu hút FDI gắn với bảo vệ môi trường, gắn với ổn định xã hội và không xáo trộn cuộc sống của người dân, chúng tôi cho rằng trong thời gian tới phải cương quyết cự tuyệt với thu hút FDI vào những vùng đất nông nghiệp đang canh tác với năng suất và hiệu quả cao. Kiểm soát chặt chẽ để loại bỏ nhập khẩu công nghệ gây ô nhiễm môi trường

2.3. Ban hành đầy đủ, thích hợp hơn các chính sách ưu đãi, khuyến khích và tạo điều kiện hạ tầng tốt nhất để thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực nghiên cứu và phát triển công nghệ cao

Có thể khẳng định rằng đầu tư nước ngoài là một kênh quan trọng trong chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam và là con đường ngắn nhất để đổi mới công nghệ.

Để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực công nghệ cao, cần phải thực hiện kết hợp các chính sách ưu đãi về tài chính và đầu tư phát triển về hạ tầng để khuyến khích các nhà đầu tư. Cụ thể là:

Miễn thuế nhập khẩu, thuế VAT đối với máy móc, thiết bị được sử dụng để nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới. Hỗ trợ về tài chính như cho vay với lãi suất thấp, thời gian dài đối với các dự án nghiên cứu và phát triển công nghệ mới. Những điều này hoàn toàn không vi phạm các quy định của WTO; Trong điều kiện khó khăn như hiện nay, cần giảm thuế thu

nhập doanh nghiệp, giảm tiền thuê đất, giãn thời gian nộp thuế,... một cách thích hợp theo đúng đối tượng được ưu đãi. Đây sẽ thực sự là cách hỗ trợ hiệu quả và hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài.

Đẩy nhanh xây dựng và phát triển các khu công nghệ cao như khu công nghệ cao Hòa Lạc, khu phần mềm Quang Trung ở TP Hồ Chí Minh;

Đẩy nhanh xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng cho các phòng nghiên cứu khoa học, công nghệ, thư viện, phòng thí nghiệm ở các trường đại học, trung tâm nghiên cứu khoa học công nghệ, từ đó sẽ thu hút được các quỹ đầu tư mạo hiểm nước ngoài tham gia đầu tư.

2.4. Nâng cao tính cạnh tranh của môi trường đầu tư nhằm thu hút mạnh mẽ FDI

Muốn vậy, cần tiếp tục thực hiện chính sách cải cách thủ tục hành chính, thực hiện triệt để chính sách một cửa. Nâng cao hiệu quả quản trị hành chính công và đạo đức của cán bộ công chức, trước hết là những cán bộ công chức đang đảm nhiệm cung cấp “dịch vụ công”; Đổi mới phương thức vận động, xúc tiến đầu tư, nên có đại lý đầu tư ở nước ngoài; Thiết lập hệ thống tổng hợp, quản lý và cung cấp thông tin về đầu tư nước ngoài; Chống tham nhũng hiệu quả hơn để xây dựng cho được môi trường đầu tư thực sự minh bạch. Nói một cách khái quát là Việt Nam cần tạo dựng lại môi trường đầu tư thực sự hấp dẫn, có tính cạnh tranh cao, tạo dựng lại lòng tin của nhà đầu tư vào các nhà lãnh đạo và các cơ quan thực thi chính sách của Việt Nam.

2.5. Tăng cường thu hút FDI của các đối tác chiến lược – các TNC của các quốc gia có trình độ phát triển cao

Để có thể tiếp tục và đẩy mạnh hơn nữa thu hút FDI của các đối tác chiến lược, đó là các TNC của các quốc gia có trình độ phát triển cao (các quốc gia phát triển) - nơi có “công nghệ nguồn”, công nghệ tiên tiến, hiện đại (trong đó, đặc biệt chú ý tận dụng các ưu đãi của TPP để thu hút các TNC của Hoa Kỳ, Úc, Nhật Bản và Canada – là các quốc gia phát triển tham gia TPP cùng với Việt Nam) vào thực hiện có hiệu quả và vững chắc quá trình CNH, HĐH đất nước, để đến năm 2020 Việt Nam thực sự trở thành nước công nghiệp có trình độ tiên tiến, hiện đại không thua kém và không bị tụt hậu so với các quốc gia trong khu vực và toàn cầu, Việt Nam cần thực thi một số chính sách thu hút FDI theo hướng sau

đây:

Điều chỉnh chính sách thu hút FDI theo hướng tập trung vào những ngành kinh doanh phù hợp với hướng chuyển đổi từ mô hình tăng trưởng theo chiều rộng sang tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu (chú trọng chất lượng tăng trưởng, hiệu quả tăng trưởng);

Xây dựng quy hoạch tổng thể trên cơ sở chiến lược phát triển tổng thể của đất nước và chính sách phát triển ngành, vùng và lĩnh vực nhằm phát huy có hiệu quả nguồn nội lực, kết hợp với ngoại lực; sớm tạo ra những “đầu tàu” về công nghệ và tốc độ phát triển và lan toả tốt về công nghệ nhằm nâng cao mạnh mẽ năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp và hàng hoá của Việt Nam trên thương trường; sớm tạo dựng được các ngành vừa tạo ra giá trị gia tăng cao, vừa tạo ra những sản phẩm hàng hoá và dịch vụ thay thế nhập khẩu và hướng đến thị trường xuất khẩu và có sức cạnh tranh mạnh. Điều có ý nghĩa quyết định đến tính hiệu quả của đầu tư là cần phải có quy định rõ ràng, chi tiết về công nghệ sử dụng; cần xây dựng các căn cứ pháp lý thuận lợi cho việc chuyển giao công nghệ; đưa ra các biện pháp khuyến khích cụ thể cho các nhà đầu tư nước ngoài chuyển giao công nghệ vào Việt Nam. Chỉ khuyến khích đối với các công nghệ tiên tiến, hiện đại “công nghệ xanh”; hạn chế tiến tới sớm và triệt để loại bỏ công nghệ lạc hậu, bậc trung gây ô nhiễm môi trường;

Xây dựng đội ngũ nhân lực chất lượng cao cho lập, xây dựng và đánh giá các dự án đầu tư, cũng như hoạt động trong khu vực FDI. Đây là điều kiện tiên quyết để Việt Nam có thể tiếp thu được công nghệ tiên tiến, hiện đại, trình độ quản lý... của các TNC thuộc top 500 TNC mẹ trên thế giới. Đi đôi với việc bồi dưỡng, đào tạo để có đội ngũ nguồn nhân lực có tính chuyên biệt, là những chuyên gia, những “nhân tài”, cần phải có cơ chế, chính sách tuyển dụng, sử dụng và đãi ngộ tương xứng với trình độ năng lực, hiệu quả công việc đã thực thi. Phải có những điều kiện đảm bảo này thì mới có thể thực thi tốt các mục tiêu đề ra;

Thực hiện chính sách ưu đãi đặc biệt dành cho các đối tác đầu tư chiến lược (các TNC của các quốc gia có trình độ phát triển cao-top 500 TNC mẹ để có công nghệ nguồn) với sự cam kết thực sự của Nhà nước. Không ưu đãi đối với tất cả các nhà đầu tư, mà chỉ tập trung vào những đối tác có tiềm lực về

công nghệ để thực hiện mục tiêu đến năm 2020 thực sự là nước công nghiệp phải đạt trình độ tiên tiến, hiện đại, không tụt hậu so với nhiều nước trong khu vực và thế giới.

Đổi mới, nâng cao chất lượng quản trị Nhà nước và quản trị doanh nghiệp, đẩy mạnh xây dựng các chương trình xúc tiến đầu tư có hiệu quả và có tầm nhìn tổng thể và dài hạn. Đi đôi với việc phân cấp đầu tư, cần phải nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan Nhà nước, Trung ương. Thực hiện mạnh mẽ việc “thổi còi” đối với các dự án thu hút FDI (nói riêng) không tuân thủ quy hoạch, chiến lược tổng thể về thu hút FDI đã đề ra.

2.6. Điều chỉnh chính sách đất đai tạo sự hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài

Cần xúc tiến hoàn thiện sửa đổi luật đất đai, pháp lệnh về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân nước ngoài thuê đất tại Việt Nam cho đồng bộ với quy định của luật đầu tư. Đồng thời, cần tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại các tổ chức tín dụng ở cả trong nước và ngoài nước.

Cần xem xét lại giá cho thuê đất, miễn giảm tiền thuê đất trong một số năm đầu tư để tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp. □

Tài liệu tham khảo:

- Đỗ Đức Bình (2011), ‘Hội nhập kinh tế quốc tế với phát triển bền vững ở Việt Nam giai đoạn 2011-2020’, Tạp chí Kinh tế và phát triển, số 173, tháng 11/2011.
- Kỷ yếu hội thảo Giải pháp thúc đẩy và nâng cao chất lượng dòng vốn FDI vào Việt Nam (2012), Báo đầu tư, cục đầu tư nước ngoài, Tạp chí Kinh tế và dự báo và Trung tâm nghiên cứu đầu tư nước ngoài, Đại học Kinh tế- ĐH quốc gia Hà Nội đồng tổ chức, Hà Nội.
- Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia Kinh tế Việt Nam 2012-2013, Tái cơ cấu doanh nghiệp và cân đối kinh tế vĩ mô (2013), UB kinh tế của Quốc hội, Trường ĐH Kinh tế quốc dân và Hội đồng lý luận TW, Hà Nội.
- Bộ Kế hoạch và đầu tư (2013), Báo cáo tình hình đầu tư nước ngoài, đầu tư ra nước ngoài năm 2012 và dự kiến 2013, Hà Nội ngày 3/1/2013.

FDI in Vietnam: Policy shortcomings and solutions

Abstract:

Since the birth of the law on foreign investment more than 25 years ago, Vietnam economy has seen dramatic changes in many aspects, especially in infrastructure and exports ...The economy and living conditions are much improved than the period before “Doi Moi”. However, in recent years, the adverse impact of the global economic crisis, uncomprehensive policy for attracting FDI and poor state management of investment have caused many serious consequences to the country. This paper focuses on emerging problems in attracting FDI in Vietnam and suggests some directions and solutions to improving FDI attraction.

Thông tin tác giả:

* **Đỗ Đức Bình**, Giáo sư, Tiến sĩ, chuyên ngành kinh tế quốc tế, Giảng viên cao cấp.

- Nơi công tác: Trường Đại học Kinh tế quốc dân

- Hướng nghiên cứu chính: thương mại và đầu tư quốc tế, hội nhập kinh tế quốc tế, kinh tế vĩ mô và quản lý kinh tế vĩ mô.

- Các tạp chí đã đăng tải công trình nghiên cứu: tạp chí Kinh tế và phát triển, tạp chí Những vấn đề kinh tế thế giới, tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, tạp chí Hoạt động khoa học, tạp chí Kinh tế và dự báo.

Email: Binhdd302@yahoo.com